

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương: Số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1415/TTr-SCT ngày 08/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC_(H), CNXD (Đ.474).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 – 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) gắn với xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Phát triển CN-TTCN phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan; gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng và chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- Khuyến khích, hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ; sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp carbon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.
- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ 47 cơ sở CNNT ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN.
- Hỗ trợ 14 cơ sở CNNT ứng dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN.
- Hỗ trợ 04 mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới.
- Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia 45 hội chợ, triển lãm trong nước.
- Tổ chức 15 phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn.

- Tổ chức 02 hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu (kết hợp nguồn khuyến công quốc gia và nguồn đối ứng của địa phương).
- Hỗ trợ tổ chức 02 cuộc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh; chi thưởng cho 20 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh được bình chọn.
- Hỗ trợ xây dựng và đăng ký 26 nhãn hiệu đối với sản phẩm CNNT.
- Tổ chức 06 lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ làm công tác khuyến công.
- Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở CNNT; đa dạng hóa các hình thức thông tin, truyền thông; từng bước xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu về khuyến công phục vụ quản lý nhà nước.

II. YÊU CẦU

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển CN-TTCN và ngành nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; góp phần thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ ngành Công Thương giai đoạn 2026 - 2030.
2. Tổ chức thực hiện Chương trình bảo đảm đúng đối tượng, nội dung, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh.
3. Tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức chính trị - xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công; nâng cao vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương và năng lực thực hiện của Trung tâm Xúc tiến Công Thương Thanh Hóa.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, MỨC CHI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, gồm:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất CN-TTCN tại các xã, phường; các làng nghề được UBND tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở CNNT).
- Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.
- Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.
- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025, nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

3. Mức chi cho các nội dung khuyến công

Thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Thời gian thực hiện

Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

IV. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Trong giai đoạn 2026 - 2030, tập trung đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN.
2. Hỗ trợ ứng dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN.
3. Hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới.
4. Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong nước.
5. Tổ chức phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn.
6. Tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu (kết hợp nguồn khuyến công quốc gia và nguồn đối ứng của địa phương).
7. Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh; chi thưởng cho sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh được bình chọn.
8. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm CNNT.
9. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ làm công tác khuyến công.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối; vốn của cơ sở CNNT; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Tổng kinh phí khuyến công địa phương dự kiến thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 là 33.670 triệu đồng, phân kỳ dự kiến như sau:

- Năm 2026: 2.500 triệu đồng (đã được giao dự toán tại Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

- Năm 2027: dự kiến 7.040 triệu đồng.
- Năm 2028: dự kiến 7.625 triệu đồng.
- Năm 2029: dự kiến 7.860 triệu đồng.
- Năm 2030: dự kiến 8.645 triệu đồng.

Kinh phí các năm 2027 - 2030 được xem xét, bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh và quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Số lượng đề án và kinh phí từng nội dung được điều chỉnh trong kế hoạch hằng năm phù hợp nhu cầu thực tế, điều kiện, tiêu chí hỗ trợ và nguồn lực được giao, nhưng không làm phát sinh cơ chế, chính sách hoặc mức chi trái quy định.

(Có Phụ biểu danh mục dự kiến các đề án và kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo).

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động của cơ sở CNNT; thường xuyên rà soát cơ chế, chính sách để đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế địa phương và quy định của Trung ương.
2. Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan, triển khai công tác khuyến công theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên ngành nghề, sản phẩm CNNT tiêu biểu, chủ lực, có tiềm năng và lợi thế của địa phương.
3. Khuyến khích các cơ sở CNNT trong khu dân cư di dời vào khu, cụm công nghiệp phù hợp quy hoạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và phát triển sản xuất, kinh doanh bền vững.
4. Tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của tỉnh với các địa phương trong vùng và cả nước; phát triển chuỗi giá trị, bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường đầu ra cho các cơ sở CNNT.
5. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu tại địa phương; phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn gắn với sản phẩm du lịch; khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, bảo đảm hài hòa lợi ích của người dân, doanh nghiệp và Nhà nước.
6. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, tìm kiếm và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước theo quy định.
7. Khuyến khích các cơ sở CNNT nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào sản xuất; ưu tiên công nghệ tiên tiến, xử lý chất thải, giảm ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế số.
8. Thiết lập và tăng cường phối hợp giữa Sở Công Thương với các đoàn thể chính trị - xã hội, hội, hiệp hội ngành nghề và UBND các xã, phường trong triển khai các hoạt động khuyến công.

9. Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp, khuyến công, sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; tăng cường cập nhật, trao đổi, cung cấp thông tin để hỗ trợ các cơ sở CNNT.

10. củng cố, nâng cao năng lực của Trung tâm Xúc tiến Công Thương Thanh Hóa; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công.

11. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công; bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, văn bản về hoạt động khuyến công theo quy định.

- Hằng năm, căn cứ Chương trình được phê duyệt, nhu cầu của các cơ sở CNNT, kết quả rà soát và khả năng cân đối ngân sách, chủ trì xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương và dự toán kinh phí, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định; bảo đảm công khai, minh bạch, không trùng lặp đối tượng, nội dung, nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ.

- Chủ trì xây dựng các đề án khuyến công quốc gia trên địa bàn tỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công Thương xem xét, quyết định theo quy định; bảo đảm phối hợp hiệu quả giữa nguồn khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương.

- Chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến Công Thương Thanh Hóa tổ chức thực hiện các đề án, nhiệm vụ và quản lý, thanh quyết toán kinh phí được giao đúng đối tượng, nội dung, mục đích, tiến độ và quy định của pháp luật.

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương kết quả thực hiện Chương trình; kịp thời tổng hợp, đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

- Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, số liệu, đối tượng, nội dung, kinh phí đề xuất và việc tổ chức thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khuyến công theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương tổ chức thực hiện Chương trình; thực hiện lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan, bảo đảm không trùng lặp đối tượng, nội dung, nhiệm vụ và nguồn kinh phí hỗ trợ.

4. UBND các xã, phường

- Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách khuyến công; hướng dẫn các cơ sở CNNT trên địa bàn tiếp cận Chương trình và hoàn thiện hồ sơ đề xuất hỗ trợ theo quy định.

- Rà soát nhu cầu, lựa chọn, đề xuất các đề án khuyến công trên địa bàn đáp ứng điều kiện theo quy định, gửi Sở Công Thương tổng hợp, xem xét theo thẩm quyền; phối hợp kiểm tra, giám sát việc triển khai các đề án khuyến công trên địa bàn.

- Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, tổ chức các hoạt động khuyến công thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Các đơn vị, cơ sở CNNT thụ hưởng Chương trình

Căn cứ tình hình sản xuất, kinh doanh, nhu cầu thị trường và khả năng nguồn vốn của đơn vị để xây dựng kế hoạch đầu tư, đề án khuyến công; thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định; bố trí đủ nguồn vốn đối ứng; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đề án đúng tiến độ, nội dung; sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ, số liệu và việc thực hiện đề án.

Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Chương trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, UBND các xã, phường, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030										Tổng cộng giai đoạn 2026 - 2030	
			Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030			
			Số lượng	Kinh phí khuyến công địa phương	Số lượng	Kinh phí khuyến công địa phương	Số lượng	Kinh phí khuyến công địa phương	Số lượng	Kinh phí khuyến công địa phương	Số lượng	Kinh phí khuyến công địa phương	Số lượng	Kinh phí khuyến công địa phương
6	Tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu (kết hợp cả nguồn khuyến công Trung ương và đối ứng của địa phương)	Hội chợ					01	1.000			01	1.000	02	2.000
7	Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	Cuộc			01	200			01	200			02	400
8	Chi thưởng cho sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh được bình chọn	Sản phẩm			10	50			10	50			20	100
9	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm CNNT	Nhãn hiệu			05	175	06	210	07	245	08	280	26	910
10	Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ làm công tác khuyến công	Lớp			02	200			02	200	02	200	06	600
	Tổng cộng:			2.500		7.040		7.625		7.860		8.645		33.670